

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 956/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 8 - 2022.

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Anh

2. Ông Hồ Đắc Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 682/2022/TLST-HN ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 201/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Châu Thị Thu H, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Tổ 17A, KV3, P. Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Đại N, sinh năm: 1984; địa chỉ: 6/22 Nguyễn Trãi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Châu Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Đại N trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu thời gian khoảng 01 năm và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, đến ngày 04/11/2015 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và trong cách nuôi dạy con. Vì con nên chị đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng đến năm 2020 thì mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân do anh Nghĩa có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh N không thay đổi, anh N không muốn duy trì cuộc sống hôn nhân. Bản thân chị cũng không còn tình cảm với anh N, chị yêu cầu được ly hôn để cả hai bên ổn định cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Trần Đại N, sinh ngày: 24/12/2013. Hiện nay sức khỏe con bình thường, đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh N tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Trần Đại N :

Anh cố tình vắng mặt, không đến Tòa để làm việc, nên Tòa không lấy được lời khai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật TTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị: Áp dụng Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của chị Châu Thị Thu H xin ly hôn anh Trần Đại N ; Giao con chung Trần Đại N, sinh ngày: 24/12/2013 cho chị H nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không xem xét; Tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí HNGĐ: Chị Châu Thị Thu H phải chịu 300.000đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Châu Thị Thu H là nguyên đơn trong vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên Tòa hôm nay. Bị đơn là anh Trần Đại N đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Chị Châu Thị Thu H và anh Trần Đại N trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm và anh N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình. Chị và cha mẹ hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không thay đổi. Nay chị không còn tình cảm với anh N nên chị yêu cầu được ly hôn anh Trần Đại N để ổn định cuộc sống.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Đại N không hợp tác, không đến Tòa làm việc mặc dù anh biết Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị H, điều này chứng tỏ anh không có thiện chí muốn hòa hợp.

Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Châu Thị Thu H được ly hôn anh Trần Đại N là phù hợp với Điều 51, 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có một con chung là Trần Đại N, sinh ngày: 24/12/2013. Ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tòa xét: Việc nuôi con sau khi ly hôn phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, lâu nay cháu Trần Đại N sống với chị H và cháu cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với mẹ. Do đó, HĐXX xét thấy nên tiếp tục giao cháu Trần Đại N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Châu Thị Thu H phải chịu 300.000đồng.

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.*

### **Tuyên xử :**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Châu Thị Thu H được ly hôn anh Trần Đại N.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

2.1. Chị Châu Thị Thu H và anh Trần Đại N có một con chung là Trần Đại N , sinh ngày: 24/12/2013.

2.2. Giao cháu Trần Đại N cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.*

3. Tài sản chung: Chị Châu Thị Thu H không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Châu Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003875 ngày 11/5/2022 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận :***

- VKSND Tp.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Ngọc Lan**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**



